TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 17-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB , THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐHS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Viết T, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Hà Phương 1, xã TT, huyện VB , thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là con ngoài giá thú. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01-11-2019 đến nay; có mặt.

Bị hại:

Bà Nguyễn Thị T1 ; nơi cư trú: Thôn HP 4 , xã TT , huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Phạm Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Viết T theo 01 chiếc kìm bằng kim loại đi bộ quanh xóm với mục đích thấy nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi thấy quán bán hàng của gia đình bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972 ở thôn HP 4 , xã TT tắt điện, T trèo qua tường bao phía sau rồi dùng kìm cắt thủng hàng rào bằng thép B40 của quán và đi vào bên trong. Khi thấy phía trước cửa quán có 01 chiếc tủ kính không khóa, bên trong có 01 chiếc hộp bằng kim loại có khóa, T xung quanh thì thấy chìa khóa để ở góc tủ bên cạnh nên đã lấy mở hộp ra rồi lấy số tiền 140.000 đồng cùng 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại của các hãng Mobifone, Vinaphone và Viettel có các mệnh giá từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng cho vào túi quần 02 bên. Sau đó T khóa chiếc hộp lại, để chìa khóa vào vị trí cũ và tiếp tục tìm kiếm các tài sản khác thì bị ho nên bị bà T1 phát hiện. Thấy vậy T bỏ chạy theo lối đã vào rồi mang theo số tài sản đã lấy được về nhà mình cất giấu. Đến ngày 25-5-2019, khi Công an xã TT, huyện VB triệu tập đến làm việc, T đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ 46 thẻ nạp tiền điện thoại cùng chiếc kìm. Riêng số tiền 140.000 đồng T đã chi tiêu hết

Tại Công văn số 01/CV ngày 30-9-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ Vĩnh Thịnh; Công văn số 2732/CV ngày 22-8-2019 của Trung tâm kinh doanh VNPT Hải Phòng, chi nhánh Tổng công ty dịch vụ viễn thông; Công văn số 207 ngày 16-8-2019 của Công ty dịch vụ Mobifone thể hiện: 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại của các hãng Mobifone, Vinaphone, Viettel thu giữ được ở trên đều chưa qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 104 ngày 15-9-2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VB đã kết luận: "Tổng số 46 thẻ nạp tiền điện thoại của các hãng Mobifonne, Vinaphone, Viettel có giá trị là 2.040.000 đồng".

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Viết T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Viết T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu: Vào 22 giờ ngày 16 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Viết T đã một mình lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại có giá trị 2.040.000đồng và 140.000 đồng tiền mặt tại gia đình bà T1 ở thôn HP 4, xã TT, huyện VB, tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 2.180.000 đồng.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSVB ngày 31 tháng 12 năm 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Nguyễn Viết T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố Nguyễn Viết T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ tính chất, hậu quả

của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015 tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết T phạm tội Trộm cắp tài sản, xử phạt T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 140.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo phải trả 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại mà bị cáo đã chiếm đoạt. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc kìm; trả lại bà Nguyễn Thị T1 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại (có đặc điểm như biên bản thu giữ). Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB , Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác. Có đủ cơ sở kết luận: Vào 22 giờ ngày 16 tháng 5 năm 2019 Nguyễn Viết T đã lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị T1 ở thôn HP 4, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng 140.000 đồng tiền mặt và 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại của các hãng Mobifonne, Vinaphone, Viettel có giá trị là 2.040.000 đồng, tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 2.180.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không

lớn. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, đã trả lại số tiền cho bị hại và nộp lại tài sản đã chiếm đoạt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS 2015 người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 140.000 đồng tiền mặt và 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại có giá trị 2.040.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại, đồng thời hoàn trả bị hại 140.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị hại đề nghị xin lại 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại mà bị cáo đã giao nộp và không yêu cầu bồi thường khoản gì nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã thu giữ 01 chiếc kìm, 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại của các hãng Mobifonne,Vinaphone,Viettel. Đối với chiếc kìm không còn giá trị sử dụng, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại là của bà Nguyễn Thị T1 , do đó cần trả lại cho bà T1 quản lý, sử dụng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Nguyễn Viết T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản), thời gian thử thách án treo là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Viết T cho Ủy ban nhân dân xã TT , huyện VB , thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T1 46 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại, gồm: 10 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 16 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 02 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 01 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 14 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ nạp tiền điện thoại của hãng Mobifone mệnh giá 100.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm loại cắt kim loại đã qua sử dụng. Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB ngày 02-01-2019.

3. Về án phí: Căn khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử bị cáo Nguyễn Viết T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng (PV27, PC 81);
- Công an huyện VB ;
- Chi Cục THADS huyện VB ;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền